TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Bích Vân và ông Phạm Đông Phong.

Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Y HLam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2023 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Hiện trú tại: tổ 2, phường B, thị xã K, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh Võ Ngọc V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2023, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: chị T và anh Võ Ngọc V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ tỉnh Gia Lai vào ngày 02/6/2012. Chị và anh V đã có 03 con chung là Võ Huy E, sinh ngày 22/5/2013; Võ Huy G, sinh ngày 27/3/2019 và Võ Bảo M, sinh ngày 21/3/2022.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh V hay uống rượu, không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình nên hai bên không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân với nhau, chị T đã mang con về nhà cha mẹ đẻ ở tổ 2

phường B, thị xã K, tỉnh Gia Lai sống từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian Tòa án giải quyết anh V hứa sẽ thay đổi để vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh V vẫn không sửa chữa được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn.

Tại phiên tòa chị T cho rằng thực sự không còn tình cảm với anh V nữa, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Võ Ngọc V được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh V đã có 03 con chung là Võ Huy E, sinh ngày 22/5/2013; Võ Huy G, sinh ngày 27/3/2019 và Võ Bảo M, sinh ngày 21/3/2022, hiện nay các con đang sống với mẹ.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 (ba) con chung Võ Huy E, Võ Huy G và Võ Bảo M vì từ trước đến nay con sống gần gũi, tình cảm với chị hơn. Hiện nay chị làm nhân viên bán hàng, có thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), ngoài ra còn có sự hỗ trợ của ông bà ngoại các cháu nên đảm bảo lo đầy đủ cuộc sống của con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Thu T khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn là anh Võ Ngọc V có lời trình bày như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng kí kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai ngày 02/6/2012. (Giấy chứng nhận kết hôn bản chính bị thất lạc).

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn như chị T đã trình bày, thêm vào đó do kinh tế khó khăn nên vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Anh không đồng ý ly hôn do xét thấy vẫn còn tình cảm với vợ, mong chị T suy nghĩ lại để quay về chung sống nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để anh hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là Võ Huy E, sinh ngày 22/5/2013, Võ Huy G, sinh ngày 27/3/2019 và Võ Bảo M, sinh ngày 21/3/2022. Hiện cả 03 (ba) con Võ Huy E, Võ Huy G và Võ Bảo M đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 (ba) con vì anh không muốn chia rẽ các con. Vì thu nhập của anh không ổn định nên anh không thể cấp dưỡng định kỳ.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh V trình bày nguyện vọng của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ lại, cùng nhau nuôi con chứ anh không đồng ý ly hôn. Bản thân anh V vẫn còn tình cảm với vợ, anh V hứa sẽ khắc phục những sai lầm của mình để xây dựng gia đình hạnh phúc. Về con chung: nếu ly hôn anh

V đồng ý giao hết ba con cho chị T nuôi dưỡng, khi nào có tiền thì cho con chứ không cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

[3]. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/01/2024 và ngày 16/4/2024 các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Trích lục kết hôn (Bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T (Bản sao chứng thực); 01 Căn cước công dân mang tên Võ Ngọc V (Bản sao chứng thực); 01 Giấy khai sinh con Võ Huy E (Bản sao); 01 trích lục khai sinh con Võ Huy G (Bản sao chứng thực); 01 Giấy khai sinh con Võ Bảo M (Bản sao); 01 bản tự khai ngày 24/11/2023; 01 bản tự khai ngày 16/4/2024. Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 bản tự khai của anh Võ Ngọc V ngày 21/12/2023. Các tài liệu do Tòa án thu thập: 01 Bản tự khai của cháu Võ Huy E; 01 Biên bản xác minh ngày 14/5/2024.

[4]. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị T được ly hôn với anh Võ Ngọc V. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi các con Võ Huy E, Võ Huy G và Võ Bảo M khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bị đơn là anh Võ Ngọc V có nơi cư trú ở thôn X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu T và anh Võ Ngọc V sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 02/6/2012. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Võ Ngọc V là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T: chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung; anh V lại hay uống rượu, không quan tâm đến gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh V đã nhiều lần cùng nhau tìm ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Vợ chồng ly thân nhau phần ai nấy sống, không

còn quan tâm gì đến nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Còn anh V cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn như chị T trình bày, kinh tế khó khăn, công ăn việc làm của anh không ổn định nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ và đã sống ly thân với nhau. Anh V đã thấy rõ cái sai của mình, thời gian vừa qua đã cố gắng sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị T không cho anh cơ hội, vẫn cương quyết xin ly hôn, nguyện vọng của anh là mong Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ lại chứ không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: cuộc sống giữa chị T và anh V lúc kinh tế khó khăn, các con còn nhỏ nhưng hai bên đã không có sự cảm thông, chia sẻ nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhau. Mặc dù vợ chồng chị T và anh V đã tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể nào duy trì cuộc sống chung. Thời gian Tòa án giải quyết anh V xin kéo dài thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đã không có kết quả. Chị T không còn tin tưởng ở anh V, không đồng ý trở về sống chung với anh V nữa. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Chị T và anh V đã có 03 con chung là Võ Huy E, sinh ngày 22/5/2013; Võ Huy G, sinh ngày 27/3/2019 và Võ Bảo M, sinh ngày 21/3/2022, hiện nay các con đang sống với mẹ.

Xét yêu cầu của chị T là giao cho chị được tiếp tục nuôi con cho đến lúc trưởng thành: Hội đồng xét xử nhận thấy từ trước đến nay con sống gần gũi với chị T hơn anh V, nguyện vọng của cháu E là muốn được tiếp tục sống với mẹ; cháu M dưới 36 tháng tuổi. Bản thân chị T có công ăn việc làm ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, đảm bảo quyền lợi để con phát triển mọi mặt nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T trực tiếp nuôi các cháu là phù hợp. Anh V cũng không muốn chia rẽ các con, đồng ý giao cho chị T tiếp tục nuôi cả ba con chung nên công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị T không có yêu cầu anh V phảicấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Thu T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Trong vụ án này chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Võ Ngọc V.

2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Võ Ngọc V là giao cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi 03 (ba) con chung là Võ Huy E, sinh ngày 22/5/2013; Võ Huy G, sinh ngày 27/3/2019 và Võ Bảo M, sinh ngày 21/3/2022 khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Võ Ngọc V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004119 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (06/6/2024) các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa